

Bài 36. ĐẶC ĐIỂM ĐẤT VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Qua bài học, HS nắm được :

- Sự đa dạng, phức tạp của đất (thổ nhưỡng) Việt Nam.
- Đặc điểm và sự phân bố các nhóm đất chính ở nước ta.
- Tài nguyên đất nước ta có hạn, sử dụng chưa được hợp lí còn nhiều diện tích đất trồng đôi trục đất bị thoái hoá.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN LƯU Ý CỦA BÀI HỌC

1. Các nhân tố hình thành đất và tính đa dạng, phức tạp của đất Việt Nam

Đất (hay thổ nhưỡng) là những thành tạo tự nhiên, hình thành từ tác động tổng hợp của nhiều nhân tố như đá mẹ, khí hậu, sinh vật, nguồn nước và sự canh tác của con người. Vì thế đất là tấm gương phản ánh cảnh quan tự nhiên.

Vận dụng quan điểm đó vào hoàn cảnh tự nhiên nước ta, GV cần lưu ý HS tìm hiểu các nhân tố hình thành đất Việt Nam. Đất Việt Nam đa dạng, phức tạp vì lãnh thổ nước ta nhiều đồi núi, lại nằm ven biển với nhiều đồng bằng lớn nhỏ, nham thạch và địa hình khác nhau, nhiều khí hậu địa phương, nhiều chế độ nước, nhiều hệ sinh thái tự nhiên và nhân tạo. Chỉ riêng điều kiện khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, mưa mùa đã phát sinh nhiều quá trình hình thành đất đan xen vào nhau : quá trình phong hoá hoá học, quá trình feralit và đá ong hoá, quá trình phân giải vật chất hữu cơ (mùn hoá), quá trình xói mòn và rửa trôi đất... cộng thêm với quá trình sử dụng và cải tạo đất qua hàng nghìn năm của con người Việt Nam.

2. Một số vấn đề về phân loại và sử dụng đất ở Việt Nam

a) Về phân loại đất Việt Nam

Phản ánh sự phức tạp, đa dạng của đất Việt Nam, các nhà thổ nhưỡng học và nông học Việt Nam đã đưa ra những bảng phân loại đất rất chi tiết, tỉ mỉ. Do đó rất khó vận dụng trong giảng dạy ở trung học cơ sở. SGK chỉ đề cập tới ba nhóm đất chính với những đặc tính rất cô đọng của từng nhóm.

b) Vấn đề sử dụng và bảo vệ môi trường đất Việt Nam

Đất đai Việt Nam nằm ở vùng nhiệt đới, mưa nhiều, nhiệt độ không khí cao, khoáng hoá mạnh, dễ bị rửa trôi, xói mòn, độ phì của đất dễ bị thoái hoá, và khó khôi phục lại trạng thái ban đầu. Thêm vào đó với phương thức du canh, đốt nương, làm rẫy trên các vùng đất dốc, tưới tiêu không hợp lí ở vùng đồng bằng, dẫn tới rửa trôi, xói mòn, phèn hoá, mặn hoá...

Theo số liệu thống kê mỗi năm trên 1 ha đất trồng trôi mất 173 tấn đất mặt (trong đó có 442 kg đạm, 123 kg lân và 2 kg kali). Nếu có thảm thực vật che phủ thì mỗi năm chỉ mất 1 tấn. Vì vậy, diện tích đất trồng đồi trọc ở nước ta tới trên 10 triệu ha. Đặc biệt nạn sa mạc hoá đang diễn ra khắp dải đất cát ven biển miền Trung, các tỉnh miền núi Bắc Bộ, các tỉnh thuộc cực nam Trung Bộ như Bình Thuận với các khu vực : Tuy Phong, Hàm Tân, Hàm Thuận Nam, Phan Thiết, Bắc Bình.

Diện tích đất trồng đồi trọc toàn quốc

Khu vực	Diện tích (ha)
Tổng số	13 440 494
1. Trung du miền núi phía Bắc	5 226 493
2. Đồng bằng Bắc Bộ	70 653
3. Duyên hải Bắc Trung Bộ	1 824 001
4. Duyên hải Nam Trung Bộ	1 992 670
5. Tây Nguyên	1 641 851
6. Đông Nam Bộ	964 300
7. Đồng bằng sông Cửu Long	774 705
8. Núi đá không có cây	1 125 821

III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Bản đồ đất Việt Nam treo tường hoặc Lược đồ phân bố các loại đất chính ở Việt Nam (Hình 36.2 – SGK) vẽ to.

– Ảnh phẫu diện đất hoặc mẫu đất tại địa phương hoặc bộ mẫu đất Việt Nam (nếu có).

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

1. Lời giới thiệu

GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở để vào bài. Ví dụ :

Con người Việt Nam, nhất là nông dân, đã bao đời nay gắn bó máu thịt với đất đai, đồng ruộng. Mỗi tấc đất thực sự là tấc vàng. Đất là sản phẩm của tự nhiên, đất cũng là sản phẩm của con người Việt Nam. Con người chăm bón, cải tạo, nuôi dưỡng đất để trở thành tài sản quý giá của mình, của toàn xã hội. Do đó việc tìm hiểu đất, nắm vững các đặc điểm tự nhiên của đất là hết sức cần thiết.

2. Gợi ý giảng dạy mục 1 : Đặc điểm chung của đất Việt Nam

a) Sự đa dạng của đất nhiệt đới Việt Nam

GV đặt vấn đề để HS suy nghĩ. Ví dụ : Đất là sản phẩm tổng hợp của nhiều thành phần vật chất. Cầm một khối đất trong tay, các em cho biết có những thành phần nào tham gia vào trong đó ? (Trả lời : có khoáng chất do đá vỡ vụn, có sinh vật dưới dạng sống như vi sinh vật hay chết như mùn, rác v.v...).

GV tiếp tục cho HS quan sát hình 36.1 – tr.126 SGK (*Lát cắt địa hình – thổ nhưỡng theo vĩ tuyến 20°B*) và đặt câu hỏi : Các em cho biết đi từ bờ biển lên núi cao, chúng ta bắt gặp những nhóm đất nào ? Điều kiện hình thành của chúng ra sao ?

Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và kết luận về tính đa dạng, phức tạp, nhiều màu sắc của đất Việt Nam. Điều kiện đất đai như vậy đã giúp cho nền nông nghiệp nước ta vừa đa canh, vừa chuyên canh có hiệu quả trên những loại đất thích hợp.

b) Về nhóm đất feralit

GV nêu câu hỏi để HS tìm ý trả lời : Đất feralit hình thành trên địa hình nào ? Đặc tính của đất này là gì ? Tại sao gọi là đất feralit ?...

Về hiện tượng đá ong, GV lưu ý giải thích để HS hiểu rõ điều kiện hình thành và tác hại của nó đối với trồng trọt.

c) Về nhóm đất bồi tụ phù sa

Đây là loại đất có diện tích hạn chế (chiếm 24% lãnh thổ) song là đất nông nghiệp chính, có độ phì nhiêu cao, có vai trò rất quan trọng ở nước ta.

GV cần nêu các tính chất chung của đất. Sau đó yêu cầu HS lập bảng so sánh ba nhóm đất chính đã học.

Về sự phân bố các loại đất

GV sử dụng Hình 36.2 SGK (*Sơ đồ phân bố các loại đất chính ở Việt Nam*) để HS nắm được sự phân bố của 5 loại đất chính : Đất phù sa mới, đất xám phù sa cổ, đất feralit trên đá badan, đất feralit trên đá vôi, các loại đất feralit khác và đất mùn núi cao.

3. Gợi ý giảng dạy mục 2 : Vấn đề sử dụng và cải tạo đất ở Việt Nam

Về kinh nghiệm sử dụng đất của ông cha ta, GV gợi ý và đưa ra một số câu mẫu (sưu tầm ở địa phương hay kho tàng văn học dân gian).

Ví dụ : "Một hòn đất nỏ, một giỏ phân" để HS bình luận, giải thích. HS bổ sung tham gia ý kiến. Sau đó GV kết luận, bổ sung. GV cần nhấn mạnh : Không chỉ dừng lại ở kinh nghiệm làm đất cổ truyền, hiện nay Việt Nam đã có những cơ sở nghiên cứu đất rất hiện đại. Việc thâm canh đất đã đưa năng suất và sản lượng cây trồng vượt xa thời kì trước đây. Bên cạnh đó, việc sử dụng đất đai còn nhiều vấn đề yếu kém, sai lầm. 50% đất của Việt Nam có vấn đề, cần cải tạo. Đặc biệt có trên 10 triệu ha đất trống, đồi trọc...

GV đặt câu hỏi để HS tìm các nguyên nhân cho vấn đề trên và nêu các biện pháp giải quyết.